

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 421/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Bà Trần Thị Bé N, sinh năm 1998, CCCD số B; Nơi thường trú: xã H, huyện V, tỉnh S (nay là phường V, C); Nơi cư trú: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Ngô Viết T, sinh năm 1997, CCCD số C; nơi thường trú: xã T1, huyện T2, tỉnh T3 (nay là xã T1, tỉnh V1); Nơi cư trú: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N và ông T có địa chỉ cư trú ở phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 23/2020, ngày do UBND xã T, huyện T2, tỉnh T3 cấp ngày 25/02/2020 và trình bày của đương sự thì bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng không hòa hợp, tính tình khác nhau không thể tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã tìm cách hòa giải các mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng có khuyên bảo nhưng không thể giải quyết được. Nay, ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy sự thỏa thuận của bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3] Về con chung: Có 1 con chung tên Ngô Trần Ngọc T4, sinh ngày 11/7/2020. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Ngô Trần Ngọc T4 cho bà Trần Thị Bé N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; hai bên tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có không có.

[6] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng do Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0023733 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T có 01 con chung tên Ngô Trần Ngọc T4, sinh ngày 11/7/2020.

Bà Trần Thị Bé N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Ngô Trần Ngọc T3, sinh ngày 11/7/2020.

Bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T tự thỏa thuận.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Bé N và ông Ngô Viết T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 0023733 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh..

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- THADS TP.HCM;
- UBND xã T1, tỉnh V;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Lê Diễm Thúy